CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 070/EB/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **PHÔ MAI SAINT MARCELLIN - MPX**
2. Thành phần: Sữa bò đã được xử lý nhiệt, men lactic, muối, rennet bò.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 30 ngày kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 80 g hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được gói trực tiếp trong hộp nhựa PE/PET.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): SOCIETE FROMAGERE DE SAINT JUST – 38680, Saint Just de Claix, France (Pháp).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu lý hóa:** theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định
1	Hàm lượng chất béo sữa, tính theo chất khô	%	Từ 45 đến dưới 60

2. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

3. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,02

4. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép			
		n	c	m	M
1	*E. coli*	5	2	100 CFU/g	1000 CFU/g
2	*Staphylococci* dương tính với coagulase	5	2	100 CFU/g	1000 CFU/g
3	*Listeria monocytogenes*	5	0	100 CFU/g	
4	*Salmonella*	5	0	Không phát hiện trong 25 g	

Trong đó:

- n: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.
- c: số đơn vị mẫu tối đa có kết quả nằm giữa m và M, tổng số mẫu có kết quả nằm giữa m và M vượt quá c là không đạt.
- m: là mức giới hạn mà các kết quả không vượt quá mức này là đạt, nếu các kết quả vượt quá mức này thì có thể đạt hoặc không đạt.
- M: là mức giới hạn tối đa mà không mẫu nào được phép vượt quá.

5. **Chỉ tiêu dư lượng thuốc thú y và thuốc bảo vệ thực vật:** theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Benzylpenicilin/Procain benzylpenicilin	µg/kg	4
2	Clortetracyclin/Oxytetracyclin/ Tetracyclin	µg/kg	100
3	Dihydrostreptomycin/Streptomycin	µg/kg	200
4	Gentamicin	µg/kg	200
5	Spiramycin	µg/kg	200
6	Endosulfan	mg/kg	0,01
7	Aldrin và dieldrin	mg/kg	0,15
8	Cyfluthrin	mg/kg	1,0
9	DDT	mg/kg	0,5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

PHÔ MAI SAINT MARCELLIN – MPX

Thành phần: Sữa bò đã được xử lý nhiệt, men lactic, muối, rennet bò.

Thông tin dinh dưỡng: Thành phần dinh dưỡng trên 100 g: Giá trị năng lượng 275 kcal (14%); Chất đạm 16 g (23%); Carbohydrate 0,9 g (0,3%); Đường tổng số 0,6 g (1,2%); Chất béo 23 g (41%); Chất béo bão hòa 18 g (90%); Natri 472 mg (24%).

Khối lượng tịnh: 80 g

Dùng trực tiếp hoặc chế biến món ăn. Bảo quản lạnh ở nhiệt độ từ 2 °C đến 6 °C.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: SOCIETE FROMAGERE DE SAINT JUST – 38680, Saint Just de Claix, France (Pháp).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, 163 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Cân nhắc khi sử dụng nếu dị ứng với sữa.

Số TCB: 070/EB/2023

SAINT-MARCELLIN
INDICATION GÉOGRAPHIQUE PROTÉGÉE

INGRÉDIENTS : *lait* de vache thermisé - température inférieure à la pasteurisation, ferments lactiques et d'affinage (contient *lait*), sel, présure bovine.

INFORMATIONS NUTRITIONNELLES MOYENNES	Pour 1 portion de 30 g	Pour 100 g
Energie	342 kJ / 83 kcal	1138 kJ / 275 kcal
Matières grasses	6,9 g	23 g
dont acides gras saturés	5,4 g	18 g
Glucides	0,3 g	0,9 g
dont sucres	0,2 g	0,6 g
Protéines	4,8 g	16 g
Sel	0,36 g	1,2 g

Ce fromage contient 2 portions environ.

CONDITIONS DE CONSERVATION : à conserver entre +2°C et +6°C. À consommer de préférence avant le / N° de lot : voir la date figurant sur l'emballage. Fabriqué par SFSJ - 38680 Saint Just de Claix.

POIDS NET À L'EMBALLAGE : 80 g

FR 38-409-001 CE

FR ÉLÉMENTS D'EMBALLAGE

Séparez les éléments avant de trier

Distribué par MONOPRIX EXPLOITATION
92116 Clichy Cedex

EMB 38409B
ID=A4

3 350030 149567

Ngày 22 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG
Giám Đốc Chất Lượng và Vệ Sinh ATTP Toàn Quốc

TRANSLATION
BẢN DỊCH

MONOPRIX
Gourmet

PHÔ MAI SAINT MARCELLIN - MPX

Tạo hình bằng khuôn muôi

Chỉ định xuất xứ được bảo hộ

KHỐI LƯỢNG TỊNH: 80g

Hình ảnh minh hoạ

MONOPRIX
Gourmet

SAINT-MARCELLIN
moulé à la louche
Indication Géographique Protégée

MONOPRIX
Gourmet

PHÔ MAI SAINT MARCELLIN - MPX

Tạo hình bằng khuôn muôi

Chỉ định xuất xứ được bảo hộ

SAINT-MARCELLIN
INDICATION GÉOGRAPHIQUE PROTÉGÉE
INGRÉDIENTS : *lait* de vache thermisé - température inférieure à la pasteurisation, ferments lactiques et d'affinage (contient *lait*), sel, présure bovine.

PHÔ MAI SAINT MARCELLIN
Chỉ định xuất xứ được bảo hộ
THÀNH PHẦN: Sữa bò đã được xử lý nhiệt - nhiệt độ thấp hơn thanh trùng, men lactic (có chứa **sữa**), muối, rennet bò.

INFORMATIONS NUTRITIONNELLES MOYENNES	Pour 1 portion de 30 g	Pour 100 g
Energie	342 kJ / 83 kcal	1138 kJ / 275 kcal
Matières grasses	6,9 g	23 g
dont acides gras saturés	5,4 g	18 g
Glucides	0,3 g	0,9 g
dont sucres	0,2 g	0,6 g
Protéines	4,8 g	16 g
Sel	0,36 g	1,2 g
Ce fromage contient 2 portions environ.		

THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH	Mỗi khẩu phần 30g	Mỗi 100 g
Năng lượng	342 kJ 83 kcal	1138 kJ 275 kcal
Chất béo	6,9 g	23 g
chất béo bão hoà	5,4 g	18 g
Carbohydrate	0,3 g	0,9 g
Trong đó đường	0,2 g	0,6 g
Protein	4,8 g	16 g
Muối	0,36 g	1,2 g
Mỗi hộp chứa 2 khẩu phần		

CONDITIONS DE CONSERVATION : à conserver entre +2°C et +6°C. À consommer de préférence avant le / N° de lot : voir la date figurant sur l'emballage
Fabriqué par SFSJ - 38680 Saint Just de Claix.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Bảo quản ở nhiệt độ 2°C đến +6°C. Hạn sử dụng/ số lô: xem trên bao bì.
Sản xuất bởi SFSJ – 38680 Saint Just de Claix

KHỐI LƯỢNG TỊNH: 80g

CÁC LOẠI BAO BÌ

Hãy phân loại trước khi bỏ rác

Phân phối bởi **MONOPRIX EXPLOITATION**
92116 Clichy Cedex

EMB 38409B
ID=A4

Mã vạch

3 350030 149567

Tôi **Đinh Nguyễn Thị Sương** Giấy Căn cước công dân số 054191009351, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Pháp sang tiếng Việt

Ngày 03 tháng 03 năm 2023

Người dịch

Đinh Nguyễn Thị Sương

Ngày 03 tháng 03 năm 2023

(Bằng chữ : Ngày ba tháng ba năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Tôi Nguyễn Thanh Bạch, là Trưởng phòng Tư pháp

CHỨNG THỰC

Bà **Đinh Nguyễn Thị Sương** là người đã ký vào bản dịch này ~~trước mặt tôi~~.

Số chứng thực : 030799

Quyển số 01 - SCT/CKND

Ngày 03 tháng 03 năm 2023

Trưởng phòng Tư pháp quận Phú Nhuận

PHÒNG TƯ PHÁP

Nguyễn Thanh Bạch

Trang/ *Page No*: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200391-15

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/02/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/02/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 16/02/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **PHÔ MAI SAINT MARCELLIN - MPX**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200391-15

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Béo sữa (tính trên chất khô) / Milk fat (calculated on dry matter)	52.0	%	-	TS-KT-HCB-018:2018 (Ref, TCVN 7084:2010)
2	LS	Aflatoxin M_1 (*) / Aflatoxin M_1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.008	TS-KT-SK-39:2018 (Ref. TCVN 6685:2009)
3	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
4	LS	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
5	LS	Staphylococci dương tính với coagulase (*) / Coagulase-positive staphylococci (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999, AMD1:2003)
6	LS	Listeria monocytogenes (*) / Listeria monocytogenes (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	ISO 11290-2:2017
7	LS	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
8	LS	Penicillin G (Benzylpenicillin) (*) / Penicillin G (Benzylpenicillin) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	1.7	TS-KT-SK-114 (CLG-BLAC.03)
9	LS	Penicillin G procaine (Procaine benzylpenicillin) / Penicillin G procaine (Procaine benzylpenicillin)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	10	TS-KT-SK-114:2020
10	LS	Chlortetracycline (*) / Chlortetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)
11	LS	Oxytetracycline (*) / Oxytetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)
12	LS	Tetracycline (*) / Tetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)
13	LS	Dihydrostreptomycin / Dihydrostreptomycin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	50	TS-KT-SK-86:2020
14	LS	Streptomycin / Streptomycin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	10	TS-KT-SK-56:2018
15	LS	Gentamicin / Gentamicin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	50	TS-KT-SK-86:2020
16	LS	Spiramycin (*) / Spiramycin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	3	TS-KT-SK-86

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200391-15

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
17	LS	Endosulfan (tổng của endosulfan I, endosulfan II và endosulfan sulfate quy về endosulfan) / Endosulfan (sum of endosulfan I, endosulfan II and endosulfan sulfate expressed as endosulfan)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-14:2020
18	LS	Aldrin và dieldrin (HHDN+HEOD) / Aldrin and dieldrin (HHDN+HEOD)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
19	LS	Cyfluthrin sum (*) / Cyfluthrin sum (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
20	LS	DDT (tổng p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE) / DDT (sum p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-14:2020

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

HUỲNH TẤN CƯỜNG